

Số: /BC-CTK

Hưng Yên, ngày 27 tháng 10 năm 2023

BÁO CÁO
Tình hình kinh tế - xã hội tỉnh Hưng Yên
tháng Mười và mười tháng năm 2023

1. Nông nghiệp và thủy sản

Tháng Mười, nhiệm vụ trọng tâm trong hoạt động sản xuất nông nghiệp trên địa bàn toàn tỉnh là tập trung thu hoạch nhanh gọn lúa mùa, tranh thủ thời tiết thuận lợi khẩn trương gieo trồng cây vụ đông, chăm sóc phòng trừ sâu bệnh cho cây lâu năm và bảo vệ an toàn trên đàn gia súc, gia cầm.

a) Nông nghiệp

Cây hàng năm: Tổng diện tích gieo trồng cây hàng năm vụ mùa toàn tỉnh đạt 30.580 ha; giảm 5,10% (giảm 1.644 ha) so với cùng kỳ năm 2022. Trong đó, diện tích gieo trồng lúa 24.966 ha, giảm 5,99% (giảm 1.591 ha). Vụ mùa năm nay, tỉnh tiếp tục mở rộng diện tích gieo cấy lúa chất lượng cao, với các giống lúa chủ yếu như: Bắc thơm số 7 (4.024 ha); Nếp thơm Hưng Yên (3.959 ha); Đài thơm 8 (2.100 ha).

Những ngày cuối tháng Chín, do ảnh hưởng của mưa lớn gây ngập úng đã làm chậm tiến độ thu hoạch lúa của người dân ở một số địa phương có gieo cấy nhiều diện tích lúa trà mùa sớm để làm đất trồng cây vụ đông như: Kim Động, Tiên Lữ, Phù Cừ, Ân Thi. Sau khi kết thúc đợt mưa lớn, nước trên các chân ruộng rút xuống thấp, người dân đã khẩn trương huy động phương tiện, nhân lực xuống đồng thu hoạch lúa. Đến ngày 20/10/2023, toàn tỉnh đã cơ bản thu hoạch xong lúa mùa (diện tích lúa đã gặt được khoảng 99,8%). Năng suất lúa vụ mùa năm nay ước đạt 58,35 tạ/ha, tăng 0,07% (tăng 0,04 tạ/ha); sản lượng lúa ước đạt 145.675 tấn, giảm 5,92% (giảm 9.169 tấn) so với cùng kỳ năm trước.

Cùng với việc khẩn trương thu hoạch lúa mùa, nông dân các địa phương trong tỉnh cũng đẩy nhanh tiến độ gieo trồng các loại rau màu vụ đông theo phương châm “Sáng lúa, chiều vụ đông”, bảo đảm tiến độ trồng cây rau màu vụ đông theo đúng lịch thời vụ. Tập trung mở rộng diện tích trồng các loại cây rau màu ngắn ngày và nhóm cây ưa lạnh, đồng thời tiến hành chăm sóc, bảo vệ cho những diện tích cây vụ đông đã trồng. Đến ngày 25/10/2023, toàn tỉnh đã gieo trồng được: khoai tây 15 ha; ngô 1.178 ha; lạc, đậu tương 183 ha; bí các loại 675 ha; dưa chuột, hoa cây cảnh 385 ha; rau các loại 2.327 ha. Diện tích thu hoạch rau màu vụ đông đạt 105 ha.

Cây lâu năm: Sản xuất cây lâu năm tiếp tục là thế mạnh của tỉnh và chủ yếu là các loại cây ăn quả (không có cây công nghiệp). Ước tính tổng diện tích hiện có các loại cây lâu năm đạt 15.643 ha, tăng 0,21% (tăng 33 ha) so với cùng kỳ năm 2022. Diện tích trồng một số cây ăn quả chủ yếu như sau: cây chuối 2.608 ha, giảm 4,65% (giảm 127 ha); cây ổi 922 ha, giảm 1,45% (giảm 14 ha); cây cam 1.845 ha, giảm 6,34% (giảm 125 ha); cây bưởi 2.085 ha, tăng 3,26% (tăng 66 ha); cây nhãn 4.815 ha, tăng 0,38% (tăng 18 ha); cây vải 1.269 ha, tăng 3,59% (tăng 44 ha) so với cùng kỳ năm trước.

Đối với cây nhãn - cây đặc sản của tỉnh, những tháng đầu năm 2023, trên địa bàn tỉnh có nhiều ngày mưa, gây ảnh hưởng đến một số diện tích nhãn nở hoa vào thời kỳ này. Trà nhãn chính vụ nở hoa vào cuối tháng 3, đầu tháng 4 gặp mưa phùn nên tỷ lệ đậu quả đạt thấp. Thời kỳ nhãn phát triển quả non xuất hiện mưa axit khiến nhãn non rụng nhiều. Đến ngày 15/9, toàn tỉnh cơ bản hoàn thành công tác thu hoạch nhãn, ước tính sản lượng nhãn đạt 37.252 tấn, giảm 24,8% (giảm 12.285 tấn) so với năm 2022.

Chăn nuôi gia súc, gia cầm: Thời điểm này, toàn tỉnh đang tập trung chăm sóc và phòng trừ dịch, bệnh cho đàn gia súc, gia cầm. Công tác tiêm vắc-xin phòng, chống bệnh cho đàn gia súc, gia cầm vụ thu - đông của tỉnh được triển khai đồng bộ và kịp thời nên không có địa phương nào xảy ra dịch bệnh nguy hiểm như: Cúm gia cầm, bệnh lở mồm long móng trên gia súc, bệnh tai xanh ở lợn.

Tại thời điểm 01/10/2023, ước tính đàn gia súc, gia cầm của tỉnh như sau: đàn trâu 4.446 con, tăng 2,89%; đàn bò 30.018 con, giảm 0,59%; đàn lợn 508.314 con, tăng 3,02%; đàn gia cầm 9.789 nghìn con, tăng 2,52% (trong đó: gà 6.864 nghìn con, tăng 2,31%) so với cùng kỳ năm trước. Ước sản lượng thịt hơi xuất chuồng tháng Mười so với cùng kỳ năm 2022 như sau: thịt trâu 34 tấn, tăng 3,03%; thịt bò 274 tấn, tăng 4,58%; thịt lợn 7.954 tấn, tăng 5,97%; thịt gia cầm 3.047 tấn, tăng 3,60% (trong đó: thịt gà 2.556 tấn, tăng 2,32%).

b) Thủy sản

Tình hình sản xuất thủy sản trên địa bàn tỉnh tiếp tục ổn định và từng bước đa dạng giống nuôi trồng. Diện tích nuôi trồng thủy sản ước đạt 5.216 ha, chủ yếu là nuôi thâm canh và bán thâm canh, giảm 16 ha (giảm 0,3%) so với cùng kỳ năm 2022. Sản lượng thủy sản nuôi trồng 10 tháng ước đạt 38.655 tấn, tăng 3,09% (tăng 1.160 tấn) so với cùng kỳ năm trước. Khai thác thủy sản trong tỉnh nhìn chung đến nay kém phát triển. Sản lượng khai thác có xu hướng giảm mạnh, nguyên nhân chủ yếu do nguồn nước ô nhiễm, phương thức khai thác chưa bảo đảm dẫn đến nguồn tài nguyên thiên nhiên này ngày càng cạn kiệt.

2. Sản xuất công nghiệp

So với tháng trước, chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp tháng Mười tăng 0,06%, trong đó: công nghiệp chế biến, chế tạo giảm 0,15%; sản xuất và phân

phôi điện giảm 0,68%; cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 5,62%. Các sản phẩm có sản lượng sản xuất tăng so với tháng trước là: thức ăn cho gia súc tăng 4,93%; rượu Vodka và rượu Cô nhắc tăng 40,02%; bộ com-lê, quần áo đồng bộ, áo jacket, quần dài, quần yếm, quần soóc cho người lớn dệt kim hoặc đan móc tăng 13,26%; bộ com-lê, quần áo đồng bộ, áo jacket, quần dài, quần yếm, quần soóc cho người lớn không dệt kim hoặc đan móc tăng 26,64%; áo sơ mi cho người lớn không dệt kim hoặc đan móc tăng 9,90%; gỗ ốp, lát công nghiệp tăng 5,37%; thùng, hộp bằng bìa cứng (trừ bìa nhãn) tăng 5,02%; thùng, hộp bằng giấy nhãn và bìa nhãn tăng 3,86%; sơn và véc ni tan trong môi trường nước tăng 8,18%; gạch xây dựng bằng đất sét nung (trừ gốm, sứ) quy chuẩn 220x105x60mm tăng 13,08%; sản phẩm vệ sinh gắn cố định bằng gốm sứ tăng 2,57%; sắt, thép không hợp kim dạng thỏi đúc hoặc dạng thô khác tăng 6,0%; thanh, que sắt, thép không hợp kim được cán nóng, dạng cuộn cuộn không đều tăng 2,01%; thanh, que thép không gỉ khác tăng 20,0%; đĩa dùng cho hệ thống đọc bằng laser chưa ghi tăng 10,51%; động cơ đa năng một chiều/xoay chiều có công suất >37.5 W tăng 7,70%;...

Bên cạnh đó, cũng có các sản phẩm có sản lượng sản xuất giảm so với tháng trước như: mì, phở, miến, bún, cháo ăn liền giảm 20,21%; thức ăn cho gia cầm giảm 17,93%; nước khoáng không có ga giảm 0,84%; sản phẩm bằng plastic giảm 0,81%; thanh, que thép không gỉ, mới được gia công tạo hình nguội hoặc gia công kết nguội giảm 10,77%; góc, khuôn, hình bằng sắt, thép đã được hàn giảm 8,47%; ống dẫn bằng sắt, thép không nối, dùng để dẫn dầu hoặc khí giảm 2,52%; dây cách điện đơn bằng đồng giảm 39,49%; dây cách điện đơn dạng cuộn khác giảm 4,66%; máy giặt loại dùng cho hiệu giặt là quần áo với sức chứa > 10 kg vải khô giảm 13,17%;...

So với tháng cùng kỳ năm 2022, chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp tháng Mười tăng 6,18%, trong đó: công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 6,92%; sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hoà không khí giảm 9,31%; cung cấp nước; hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 2,77%. Một số sản phẩm công nghiệp trong tháng có sản lượng sản xuất tăng khá so với cùng kỳ năm trước như: mì, phở, miến, bún, cháo ăn liền tăng 5,99%; thức ăn cho gia súc tăng 7,21%; thức ăn cho gia cầm tăng 6,79%; bộ com-lê, quần áo đồng bộ, áo jacket, quần dài, quần yếm, quần soóc cho người lớn không dệt kim hoặc đan móc tăng 17,52%; áo sơ mi cho người lớn không dệt kim hoặc đan móc tăng 47,69%; gỗ ốp lát công nghiệp tăng 13,49%; thùng, hộp bằng bìa cứng (trừ bìa nhãn) tăng 6,90%; sản phẩm bằng plastic tăng 25,15%; bê tông trộn sẵn (bê tông tươi) tăng 23,67%; thép hợp kim khác dạng thỏi đúc hoặc dạng thô khác tăng 28,65%; thanh, que sắt, thép không hợp kim được cán nóng, dạng cuộn cuộn không đều tăng 10,60%; thanh, que thép không gỉ, mới được gia công tạo hình nguội hoặc gia công kết nguội tăng 85,41%; thanh, que thép không gỉ khác tăng 50,0%; ống dẫn bằng sắt, thép không nối, dùng để dẫn dầu hoặc khí tăng 68,14%; mạch điện tử tích hợp tăng 32,68%; dây cách điện đơn bằng đồng tăng 12,24%; phụ tùng khác của xe có động cơ tăng 9,65%;...

Bên cạnh đó, một số sản phẩm có sản lượng sản xuất giảm với cùng kỳ năm trước như: thùng, hộp bằng giấy nhãn và bì nhãn giảm 7,72%; gạch xây dựng bằng đất sét nung (trừ gốm, sứ) quy chuẩn 220x105x60mm giảm 23,38%; sản phẩm vệ sinh gắn cố định bằng gốm, sứ giảm 16,51%; đĩa dùng cho hệ thống đọc bằng laser chưa ghi giảm 30,10%; máy giặt loại dùng cho hiệu giặt là quần áo với sức chứa > 10 kg vải khô giảm 5,93%; điện thương phẩm giảm 9,31%;...

Tính chung mười tháng năm 2023, chỉ số sản xuất công nghiệp tăng 6,06% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó: công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 6,63%; sản xuất và phân phối điện tăng 0,19%; cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải giảm 2,74%.

Một số ngành có chỉ số sản xuất công nghiệp tăng cao so với cùng kỳ năm trước và có đóng góp lớn vào chỉ số chung toàn ngành như: dệt tăng 14,71%; sản xuất trang phục tăng 12,83%; sản xuất da và các sản phẩm có liên quan tăng 11,26%; sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic tăng 7,99%; sản xuất kim loại tăng 8,79%; sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị) tăng 5,59%; sản xuất thiết bị điện tăng 13,40%; sản xuất xe có động cơ tăng 6,15%; khai thác, xử lý và cung cấp nước tăng 15,09%;...

Các sản phẩm công nghiệp có khối lượng sản xuất tăng so với cùng kỳ năm trước như: mì, phở, miến, bún, cháo ăn liền tăng 3,70%; thức ăn cho gia cầm tăng 8,79%; nước khoáng không có ga tăng 9,07%; giày, dép khác chưa được phân vào đâu tăng 11,26%; thùng, hộp bằng bì cứng (trừ bì nhãn) tăng 11,80%; sản phẩm bằng plastic tăng 16,98%; bê tông trộn sẵn (bê tông tươi) tăng 27,16%; sắt, thép không hợp kim dạng thỏi đúc hoặc dạng thô khác tăng 7,08%; thanh, que thép không gỉ, mới được gia công tạo hình nguội hoặc gia công kết nguội tăng 60,21%; góc, khuôn, hình bằng sắt, thép đã được hàn tăng 5,46%; ống dẫn bằng sắt, thép không nối, dùng để dẫn dầu hoặc khí tăng 52,48%;...

Một số sản phẩm có khối lượng sản xuất giảm so với cùng kỳ năm trước như: bộ com-lê, quần áo đồng bộ, áo jacket, quần dài, quần yếm, quần soóc cho người lớn dệt kim hoặc đan móc giảm 11,60%; bộ com-lê, quần áo đồng bộ, áo jacket, quần dài, quần yếm, quần soóc cho người lớn không dệt kim hoặc đan móc giảm 16,70%; áo sơ mi cho người lớn không dệt kim hoặc đan móc giảm 10,97%; áo bó, áo chui đầu, áo cài khuy, gi-lê và các mặt hàng tương tự dệt kim hoặc móc giảm 28,26%;... thùng, hộp bằng giấy nhãn và bì nhãn giảm 10,96%; sơn và véc ni tan trong môi trường nước giảm 10,93%; gạch xây dựng bằng đất sét nung (trừ gốm, sứ) quy chuẩn 220x105x60mm giảm 17,95%; mạch điện tử tích hợp giảm 22,60%; đĩa dùng cho hệ thống đọc bằng laser chưa ghi giảm 37,32%; động cơ đa năng một chiều/xoay chiều có công suất >37.5 W giảm 3,75%;...

3. Hoạt động đầu tư

a) Vốn đầu tư ngân sách địa phương

Ước tính vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách nhà nước tháng Mười đạt 1.414.640 triệu đồng, tăng 30,98% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, vốn ngân sách cấp tỉnh đạt 644.610 triệu đồng, tăng 1,86%; vốn ngân sách cấp huyện đạt 424.930 triệu đồng, tăng 130,51%; vốn ngân sách cấp xã đạt 345.100 triệu đồng, tăng 31,27%.

Tính chung mười tháng năm 2023, tổng vốn đầu tư thực hiện từ ngân sách nhà nước do địa phương quản lý ước đạt 9.279.241 triệu đồng, tăng 63,64% so với cùng kỳ năm trước và đạt 77,29% kế hoạch năm. Trong đó, vốn ngân sách nhà nước cấp tỉnh 4.593.770 triệu đồng, tăng 48,84%; vốn ngân sách nhà nước cấp huyện 3.033.523 triệu đồng, tăng 114,27%; vốn ngân sách nhà nước cấp xã 1.651.948 triệu đồng, tăng 41,40%.

b) Hoạt động đầu tư nước ngoài

Tính đến ngày 20/10/2023, toàn tỉnh có 534 dự án có vốn đầu tư nước ngoài đăng ký hoạt động, với tổng số vốn đăng ký là 6.759.854 nghìn USD, trong đó từ đầu năm đến nay, có 38 dự án đăng ký mới với số vốn đăng ký 453.831 nghìn USD. Các quốc gia có số dự án, vốn đầu tư chủ yếu là: thứ nhất là Nhật Bản có 171 dự án, vốn đăng ký là 3.737.452 nghìn USD, chiếm 55,29% tổng vốn đăng ký; thứ hai là Hàn Quốc có 150 dự án, vốn đăng ký 867.389 nghìn USD, chiếm 12,83% tổng vốn đăng ký; thứ ba là Trung Quốc có 134 dự án, vốn đăng ký 1.096.871 nghìn USD, chiếm 16,23% tổng số vốn đăng ký.

c) Thu hút đầu tư và phát triển doanh nghiệp

Tính từ ngày 22/9/2023 đến ngày 21/10/2023, số doanh nghiệp đăng ký thành lập mới đạt 165 doanh nghiệp, với vốn đầu tư đăng ký 2.866 tỷ đồng. Các doanh nghiệp thành lập mới hoạt động trong lĩnh vực: công nghiệp chế biến, chế tạo 36 doanh nghiệp, vốn đăng ký 1.790 tỷ đồng; bán buôn; bán lẻ; sửa chữa ô tô, xe máy 61 doanh nghiệp, vốn đăng ký 470 tỷ đồng; xây dựng 14 doanh nghiệp, vốn đăng ký 130 tỷ đồng; hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ 12 doanh nghiệp, vốn đăng ký 48 tỷ đồng;...

Lũy kế từ đầu năm đến ngày 21/10/2023, toàn tỉnh có 1.325 doanh nghiệp đăng ký thành lập mới, vốn đầu tư đăng ký đạt 22.756 tỷ đồng. Trong đó, ngành bán buôn; bán lẻ; sửa chữa ô tô, xe máy có số doanh nghiệp đăng ký thành lập mới nhiều nhất, với 492 doanh nghiệp, vốn đăng ký đạt 2.691 tỷ đồng (chiếm 11,83% tổng vốn đăng ký); công nghiệp chế biến, chế tạo 302 doanh nghiệp, vốn đăng ký đạt 4.180 tỷ đồng (chiếm 18,37%); xây dựng 134 doanh nghiệp, vốn đăng ký 815 tỷ đồng (chiếm 3,58%); kinh doanh bất động sản 52 doanh nghiệp, vốn đăng ký 13.317 tỷ đồng (chiếm 58,52%);...

Số doanh nghiệp quay trở lại hoạt động trong tháng Mười (tính từ ngày 22/9/2023 đến ngày 21/10/2023) là 19 doanh nghiệp. Lũy kế từ đầu năm đến ngày 21/10/2023, số doanh nghiệp quay trở lại hoạt động sau thời gian tạm ngừng là 290 doanh nghiệp.

Cũng từ ngày 22/9/2023 đến ngày 21/10/2023, số doanh nghiệp giải thể là 24 doanh nghiệp, doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh là 39 doanh nghiệp. Lũy kế từ đầu năm đến ngày 21/10/2023, có 162 doanh nghiệp giải thể và 557 doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh. Trong đó: ngành công nghiệp chế biến, chế tạo có 47 doanh nghiệp giải thể và 153 doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động, lần lượt chiếm 29,01% tổng số doanh nghiệp giải thể và chiếm 27,47% tổng số doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động; ngành bán buôn, bán lẻ có 43 doanh nghiệp giải thể và 198 doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động, chiếm 26,54% và 35,55%; kinh doanh bất động sản có 25 doanh nghiệp giải thể và 16 doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh, chiếm 15,43% và 2,87%; hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ có 8 doanh nghiệp giải thể và 37 doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động, chiếm 4,94% và 6,64%;...

4. Thương mại, dịch vụ

Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng Mười ước đạt 10.111.053 triệu đồng, tăng 1,50% so với tháng trước và tăng 13,75% so cùng kỳ năm trước. Tính chung mười tháng năm 2023, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ ước đạt 76.560.195 triệu đồng, tăng 80,65% so với cùng kỳ năm trước. Cụ thể như sau:

Doanh thu bán lẻ hàng hóa tháng Mười ước đạt 2.599.482 triệu đồng, tăng 0,85% so với tháng trước và tăng 2,62% so với cùng kỳ năm trước. Doanh thu bán lẻ hàng hóa tăng so với tháng trước chủ yếu ở các nhóm ngành hàng sau: Nhóm hàng lương thực, thực phẩm tăng 0,64%; may mặc tăng 0,64%; đồ dùng, dụng cụ, trang thiết bị gia đình tăng 2,49%; vật liệu xây dựng tăng 2,40%; xăng dầu các loại và nhiên liệu khác (trừ xăng dầu) lần lượt tăng so với cùng tháng trước là 0,03% và tăng 2,06%;... Bên cạnh nhóm hàng hóa có doanh thu bán lẻ tăng thì một số nhóm hàng hóa có doanh thu bán lẻ giảm so với tháng trước do nhu cầu tiêu dùng người dân giảm, cụ thể: nhóm vật phẩm, văn hóa, giáo dục giảm 1,10%; phương tiện đi lại, trừ ô tô con (kể cả phụ tùng) giảm 1,49%; đá quý, kim loại quý và sản phẩm giảm 0,82%

Mười tháng năm 2023, doanh thu bán lẻ hàng hóa ước đạt 25.634.743 triệu đồng, tăng 11,98% so với cùng kỳ năm trước. Doanh thu bán lẻ hàng hóa mười tháng tăng chủ yếu ở một số nhóm hàng chính sau: lương thực, thực phẩm tăng 10,06%; may mặc tăng 0,88%; đồ dùng, dụng cụ, trang thiết bị gia đình tăng 4,95%; gỗ và vật liệu xây dựng tăng 11,83%; xăng, dầu các loại tăng 15,79%; nhiên liệu khác (trừ xăng dầu) tăng 46,42%; đá quý, kim loại quý và sản phẩm tăng 51,15%; hàng hóa khác tăng 72,53%;... Bên cạnh đó, các nhóm hàng hoá có

doanh thu bán lẻ giảm là: vật phẩm, văn hóa, giáo dục giảm 10,83%; ô tô con (dưới 9 chỗ) giảm 29,10%; phương tiện đi lại khác (trừ ô tô con) giảm 6,41%; doanh thu dịch vụ sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác giảm 6,92%.

Doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống tháng Mười ước đạt 251.052 triệu đồng, tăng 1,68% so với tháng trước và tăng 7,04% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó: doanh thu dịch vụ lưu trú 10.058 triệu đồng, tăng 2,43% so với tháng trước và tăng 2,39% so với cùng kỳ năm trước; doanh thu dịch vụ ăn uống 240.994 triệu đồng, tăng 1,65% so với tháng trước và tăng 7,24% so với cùng kỳ năm trước. Mười tháng năm 2023, doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống ước đạt 2.418.287 triệu đồng, tăng 22,43% so với cùng kỳ năm trước, trong đó: dịch vụ lưu trú 97.576 triệu đồng, tăng 21,77%; dịch vụ ăn uống 2.320.712 triệu đồng, tăng 22,46%.

Doanh thu dịch vụ du lịch và lữ hành tháng Mười ước đạt 4.298 triệu đồng, giảm 6,12% so với tháng trước và tăng 2,03% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung mười tháng năm 2023, doanh thu dịch vụ du lịch, lữ hành ước đạt 36.030 triệu đồng, tăng 14,88% so với cùng kỳ năm trước.

Doanh thu dịch vụ khác tháng Mười ước đạt 7.256.222 triệu đồng, tăng 1,73% so với tháng trước và tăng 18,63% so cùng kỳ năm trước. Chi tiết một số ngành như sau: Dịch vụ kinh doanh bất động sản doanh thu ước đạt 6.777.191 triệu đồng tăng 1,95% so với tháng trước và tăng 18,65% so với cùng kỳ năm trước; dịch vụ hành chính và dịch vụ hỗ trợ 196.674 triệu đồng, tăng 1,76% so với tháng trước và tăng 17,78% so với cùng kỳ năm trước; giáo dục và đào tạo 116.959 triệu đồng, giảm 9,72% so với tháng trước và tăng 38,91% so với cùng kỳ năm trước; y tế và hoạt động trợ giúp xã hội 56.684 triệu đồng, tăng 1,37% so với tháng trước và tăng 20,99% so với cùng kỳ năm trước; dịch vụ khác 97.566 triệu đồng tăng 2,10% so với tháng trước và tăng 0,80% so với cùng kỳ năm trước.

Tính chung mười tháng năm 2023, doanh thu dịch vụ khác ước đạt 48.471.135 triệu đồng, tăng 177,28% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó: dịch vụ kinh doanh bất động sản 44.215.500 triệu đồng, tăng 225,80%; dịch vụ hành chính và dịch vụ hỗ trợ 1.801.544 triệu đồng, tăng 5,55%; dịch vụ giáo dục 913.877 triệu đồng, tăng 26,40%; dịch vụ y tế 494.501 triệu đồng, tăng 7,89%; nghệ thuật, vui chơi và giải trí 112.309 triệu đồng, tăng 25,41%; dịch vụ khác 933.404 triệu đồng, tăng 0,17%.

5. Chỉ số giá

a) Chỉ số giá tiêu dùng

So với tháng trước, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng Mười giảm 0,16%. Trong 11 nhóm hàng hóa và dịch vụ chính, có 5 nhóm có chỉ số giá giảm so với tháng trước, cụ thể: hàng ăn và dịch vụ ăn uống giảm 0,02%; nhà ở, điện, nước, chất đốt và vật liệu xây dựng giảm 0,16%; giao thông giảm 1,52%; bưu chính,

viễn thông giảm 0,31%; văn hoá, giải trí và du lịch giảm 1,40%. Có 5 nhóm hàng hóa, dịch vụ có chỉ số giá tăng so với tháng trước là: đồ uống, thuốc lá tăng 0,86%; may mặc, mũ nón, giày dép tăng 0,24%; thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 0,18%; thuốc và dịch vụ y tế tăng 0,01%; giáo dục tăng 0,29%. Riêng nhóm hàng hóa và dịch vụ khác có chỉ số giá ổn định so với tháng trước.

So với tháng cùng kỳ năm trước, chỉ số giá tiêu dùng tháng Mười năm 2023 tăng 2,56%. Trong đó, nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 2,36% (lương thực tăng 14,98%; thực phẩm giảm 0,46%; ăn uống ngoài gia đình tăng 7,36%); đồ uống và thuốc lá tăng 5,25%; hàng may mặc, mũ nón, giày dép tăng 4,18%; nhà ở và vật liệu xây dựng tăng 2,50%; thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 4,22%; thuốc và dịch vụ y tế tăng 0,87%; dịch vụ giao thông tăng 3,59%; dịch vụ bưu chính, viễn thông giảm 2,76%; giáo dục tăng 2,53%; văn hóa, giải trí và du lịch giảm 0,31%; hàng hóa và dịch vụ khác tăng 7,92%.

Bình quân chung mười tháng năm 2023, chỉ số giá tiêu dùng tăng 2,19% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó: nhóm hàng ăn uống và dịch vụ ăn uống tăng 2,40%; đồ uống và thuốc lá tăng 5,10%; hàng may mặc, mũ nón, giày dép tăng 4,62%; nhà ở, điện, nước, chất đốt và vật liệu xây dựng tăng 1,36%; thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 5,0%; thuốc và dịch vụ y tế tăng 0,76%; dịch vụ giao thông giảm 1,83%; bưu chính, viễn thông giảm 1,08%; dịch vụ giáo dục tăng 3,57%; dịch vụ văn hóa, giải trí và du lịch tăng 2,16%; hàng hóa và dịch vụ khác tăng 6,13%.

b) Chỉ số giá vàng và đô la Mỹ

Thị trường vàng tại tỉnh Hưng Yên tháng Mười tăng theo xu hướng của giá vàng trong nước và trên thế giới do những bất ổn về tình hình kinh tế toàn cầu. Hiện tại, giá vàng bình quân đang ở mức xấp xỉ 5.661.500 đ/chỉ; tăng 0,51% so với tháng trước.

Trên địa bàn tỉnh, giá đồng đô la Mỹ trong tháng Mười tăng 0,92% so với tháng trước, tăng theo xu hướng của thị trường trong nước. Thị trường bất động sản ảm đạm nên vàng và đô la Mỹ trở thành kênh đầu tư an toàn cho người dân trong thời điểm này. Hiện nay, trên địa bàn tỉnh, giá 1 USD xấp xỉ 24.510 VNĐ.

6. Hoạt động vận tải

Doanh thu hoạt động vận tải, kho bãi tháng Mười ước đạt 564.427 triệu đồng, tăng 3,08% so với tháng trước và tăng 0,23% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung mười tháng năm 2023, doanh thu vận tải, kho bãi ước đạt 5.261.917 triệu đồng, tăng 6,80% so với cùng kỳ năm trước.

a) Hoạt động vận tải hành khách

Doanh thu vận tải hành khách toàn tỉnh tháng Mười ước đạt 80.175 triệu đồng, giảm 1,65% so với tháng trước và tăng 6,89% so với cùng kỳ năm trước; tổng số hành khách vận chuyển và luân chuyển ước đạt 1,61 triệu người và 85,04 triệu lượt người.km, tương ứng tăng 6,37% và tăng 6,59% so với cùng kỳ năm trước.

Tính chung mười tháng năm 2023, doanh thu vận tải hành khách ước đạt 784.946 triệu đồng, tăng 10,52% so với cùng kỳ năm trước; tổng số hành khách vận chuyển và luân chuyển toàn tỉnh ước đạt 15,24 triệu người và 828,32 triệu người.km, tương ứng tăng 9,08% và 10,86%.

b) Hoạt động vận tải hàng hóa

Doanh thu vận tải hàng hóa tháng Mười ước đạt 404.226 triệu đồng, tăng 4,44% so với tháng trước và giảm 2,22% so cùng kỳ năm trước; khối lượng hàng hóa vận chuyển và luân chuyển ước đạt 0,60 triệu tấn và 144,79 triệu tấn.km, tương ứng giảm 0,66% và 2,38% so với cùng kỳ năm trước.

Tính chung mười tháng năm 2023, doanh thu vận tải hàng hóa ước đạt 3.727.254 triệu đồng, tăng 6,73% so với cùng kỳ năm trước; khối lượng hàng hóa vận chuyển và luân chuyển ước đạt 5,64 triệu tấn và 1.346,45 triệu tấn.km, tương ứng tăng 6,84% và 5,16%.

7. Hoạt động tài chính, ngân hàng

a) Thu ngân sách nhà nước

Thu ngân sách tháng Mười ước đạt 2.408.719 triệu đồng, giảm 354.610 triệu đồng, tương ứng giảm 12,83% so với cùng kỳ năm 2022. Trong đó: thu nội địa 2.078.675 triệu đồng, giảm 11,60%; thu hải quan 330.044 triệu đồng, giảm 19,86%. Một số khoản thu trong tháng dự tính như sau: thu từ doanh nghiệp nhà nước 20.150 triệu đồng, giảm 29,94%; thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài 351.747 triệu đồng, giảm 34,78%; thu từ khu vực ngoài quốc doanh 1.064.012 triệu đồng, tăng 15,09%; thuế thu nhập cá nhân 123.536 triệu đồng, tăng 37,86%; thu phí, lệ phí 34.100 triệu đồng, giảm 50,24%; các khoản thu về đất 357.594 triệu đồng, giảm 43,56%.

Tính chung mười tháng năm 2023, thu ngân sách nhà nước ước đạt 26.527.925 triệu đồng, giảm 21.877.685 triệu đồng, tương đương giảm 45,20% so với cùng kỳ năm trước và vượt 15,74% kế hoạch năm. Trong đó: Thu nội địa 23.575.000 triệu đồng, giảm 47,25% và đạt 129,38% kế hoạch; thuế xuất nhập khẩu 2.952.925 triệu đồng, giảm 20,45% và đạt 62,83% kế hoạch. Một số khoản thu nội địa như sau: Thu từ doanh nghiệp nhà nước 177.000 triệu đồng, giảm 13,57%; thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài 2.305.000 triệu đồng, tăng 20,11%; thu từ khu vực ngoài quốc doanh 13.845.000 triệu đồng, tăng 230,87%; thu phí, lệ phí 413.000 triệu đồng, giảm 16,64%; thuế thu nhập cá nhân 1.190.000 triệu đồng, tăng 6,13%; các khoản thu về đất 4.708.000 triệu đồng, giảm 86,88% so với cùng kỳ năm trước. Các khoản thu về đất giảm mạnh so với cùng kỳ năm trước do năm 2022 có khoản thu tiền sử dụng đất của Chi nhánh tại Hưng Yên - Công ty Cổ phần Vinhomes nộp 1 lần.

b) Chi ngân sách nhà nước địa phương

Tính từ ngày 01/01/2023 đến ngày 20/10/2023, chi ngân sách nhà nước địa phương đạt 15.684.866 triệu đồng, đạt 79,18% kế hoạch năm. Trong đó: chi đầu tư phát triển 10.209.244 triệu đồng; chi thường xuyên 5.475.622 triệu đồng. Một số khoản chi thường xuyên như sau: chi sự nghiệp kinh tế 402.308 triệu đồng; chi giáo dục, đào tạo 2.100.577 triệu đồng; chi sự nghiệp y tế 631.164 triệu đồng; chi sự nghiệp khoa học và công nghệ 30.426 triệu đồng; chi sự nghiệp văn hóa, thể dục thể thao 107.577 triệu đồng; chi đảm bảo xã hội 502.938 triệu đồng; chi quản lý hành chính 1.258.595 triệu đồng; chi thường xuyên khác 442.038 triệu đồng.

c) Hoạt động ngân hàng

Ước tính tại thời điểm 31/10/2023, tổng nguồn vốn của các tổ chức tín dụng đạt 132.564.817 triệu đồng, tăng 11,78% so với thời điểm 31/12/2022. Trong đó: nguồn vốn huy động trong dân cư và các tổ chức kinh tế đạt 123.999.880 triệu đồng, tăng 12,25% và chiếm 93,54% tổng nguồn vốn.

Tổng dư nợ đối với nền kinh tế đạt 91.349.072 triệu đồng, tăng 5,43% so với thời điểm 31/12/2022. Trong đó: dư nợ cho vay ngắn hạn 65.596.420 triệu đồng, tăng 6,36%; dư nợ cho vay trung và dài hạn 25.752.652 triệu đồng, tăng 3,14%. Dư nợ cho vay bằng nội tệ 87.485.619 triệu đồng, tăng 4,77%; dư nợ cho vay bằng ngoại tệ 3.863.453 triệu đồng, tăng 23,11%. Về chất lượng tín dụng: nợ xấu (nhóm 3,4,5) là 1.284.453 triệu đồng (chiếm 1,41% tổng dư nợ), tăng 63,73% so với thời điểm 31/12/2022.

8. Một số hoạt động xã hội

a) Hoạt động văn hóa

Trong tháng qua, trên địa bàn tỉnh đã diễn ra nhiều hoạt động văn hóa, văn nghệ chào mừng kỷ niệm 93 năm ngày thành lập Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam (20/10/1930 - 20/10/2023).

Văn hóa quần chúng và tuyên truyền cổ động: tỉnh đã tham gia cuộc thi tuyên truyền cổ động trực quan do Tổng cục Chính trị và Bảo tàng lịch sử Quân sự Việt Nam tổ chức; sáng tác tranh dự thi “Di sản văn hóa Việt Nam qua hội họa” do Hội Di sản Việt Nam tổ chức; sáng tác tranh mỹ thuật ứng dụng trên gốm sứ với chủ đề “Giữ gìn tinh hoa Đất Tổ” lần thứ Nhất năm 2023 do tỉnh Phú Thọ tổ chức; chỉnh trang các dàn tranh, pano tuyên truyền cổ động trực quan tại các huyện, thị xã, thành phố.

Thư viện tỉnh phối hợp tổ chức các hoạt động Tuần lễ hưởng ứng học tập suốt đời năm 2023 tại xã Xuân Trúc, huyện Ân Thi với chủ đề: “Xây dựng năng lực học tập trong kỷ nguyên số”; biên soạn và phát hành thư mục bài trích báo, tạp chí có nội dung về kinh tế, văn hóa, giáo dục,... của tỉnh.

Nhà hát Chèo đã xây dựng, tập luyện, biểu diễn chương trình nghệ thuật, chương trình ca múa nhạc phục vụ nhiệm vụ chính trị, phục vụ nhân dân trong và ngoài tỉnh; tiếp tục dàn dựng vở chèo mới “Con nhen giăng mùn”; tập luyện, biểu diễn chương trình văn nghệ tại Hội nghị tổng kết 20 năm ngày Đại đoàn kết toàn dân tộc giai đoạn 2003 - 2023; Hội nghị biểu dương gia đình “Ông bà, cha mẹ mẫu mực, con trung hiếu, cháu thảo hiền” tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2018 - 2023; chuẩn bị các điều kiện cơ sở vật chất tổ chức Hội thi Giọng hát Chèo không chuyên năm 2023.

Trung tâm Văn hóa - Điện ảnh tỉnh tổ chức 70 buổi chiếu phim phục vụ nhiệm vụ chính trị và nhu cầu hưởng thụ văn hóa, giải trí của nhân dân (10 buổi lưu động, 60 buổi tại Rạp).

b) Hoạt động thể dục, thể thao

Thể dục, thể thao quần chúng: Chào mừng kỷ niệm 93 năm ngày thành lập Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam (20/10/1930- 20/10/2023), vào ngày 16/10/2023, tại Trung tâm huấn luyện và thi đấu TDTT tỉnh đã diễn ra Hội thao Phụ nữ tỉnh Hưng Yên năm 2023. Hội thao có 2 nội dung là cầu lông và bóng chuyền hơi, với 280 vận động viên đến từ 10 đoàn thể thao của các huyện, thị xã, thành phố, Hội Phụ nữ Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh, Hội Phụ nữ Công an tỉnh, Nữ công Liên đoàn Lao động tỉnh. Kết thúc hội thao, Ban tổ chức đã trao cờ, huy chương cho các đoàn, vận động viên có thành tích nhất, nhì, ba.

Thể thao thành tích cao: Ngành chuyên môn tập trung chỉ đạo tổ chức tốt hoạt động huấn luyện vận động viên tại Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu TDTT. Trong tháng Mười, đoàn thể thao của tỉnh đã tập huấn, tham gia thi đấu giải Muay Vô địch quốc gia, kết quả đạt 1 HCV, 5 HCD; giải Wushu Vô địch các đội mạnh quốc gia, kết quả đạt 1 HCV, 3 HCD. Đặc biệt, tỉnh Hưng Yên có 2 VĐV Nguyễn Hữu Hùng và Nguyễn Thị Thu Hiền tham dự thi đấu giải Vô địch thế giới Muay trẻ tổ chức tại Thổ Nhĩ Kỳ, kết quả đạt 01 HCB, 1 HCD.

c) Hoạt động y tế

Dịch sốt xuất huyết Dengue: Tổng số ca mắc sốt xuất huyết trên địa bàn tỉnh là 572 ca, không ghi nhận trường hợp tử vong do sốt xuất huyết, trong đó: TP Hưng Yên 72 ca; huyện Văn Lâm 87 ca; huyện Văn Giang 118 ca; huyện Yên Mỹ 51 ca; thị xã Mỹ Hào 33 ca; Huyện Ân Thi 35 ca; huyện Khoái Châu 74 ca; huyện Kim Động 41 ca; huyện Tiên Lữ 31 ca; huyện Phù Cừ 30 ca. Tất cả các ca bệnh sốt xuất huyết ghi nhận đều đã được điều tra, giám sát.

Dịch Covid-19: Từ ngày 01/10 - 19/10/2023, số ca mắc Covid-19 trên địa bàn tỉnh là 14 ca. Tổng số ca mắc Covid-19 trong năm 2023 là 1.786 ca, trong đó dịch cao điểm vào tháng 4 (với 1.149 ca mắc) và tháng 5 (với 538 ca mắc), sau đó số ca mắc giảm mạnh. Từ lúc có dịch (năm 2020) đến nay, tổng số ca mắc trên địa bàn tỉnh là 245.430 ca, trong đó năm 2022 là năm ghi nhận nhiều ca mắc nhất với 238.172 ca (chiếm 97,75% tổng số ca mắc), thời điểm ghi nhận ca mắc nhiều nhất là thời điểm đầu năm (quý I/2022), đỉnh điểm là tháng 3 với hơn 150.000 ca mắc, sau đó dịch có xu hướng giảm mạnh vào các tháng sau đó.

Tổng số ca tử vong từ khi có dịch Covid-19 đến nay là 100 ca (chiếm 0,041% tổng số ca mắc bệnh), được ghi nhận vào thời điểm cuối năm 2021 và đầu năm 2022, chủ yếu là người cao tuổi, bệnh nền và chưa tiêm đủ mũi vắc xin. Năm 2023 chưa ghi nhận trường hợp tử vong do Covid-19.

Tình hình một số bệnh truyền nhiễm khác:

(1) Bệnh tay chân miệng: Tổng số ca ghi nhận từ đầu năm 2023 là 284 ca tại 10/10 huyện, thị xã, thành phố. Các bệnh nhân chủ yếu được phát hiện và chẩn đoán qua lâm sàng tại các bệnh viện (trong đó chủ yếu phát hiện tại BV Sản Nhi Hưng Yên, một số trường hợp được phát hiện tại bệnh viện tuyến Trung Ương và tỉnh khác), không có trường hợp tử vong.

(2) Bệnh bạch hầu: Toàn tỉnh chưa ghi nhận ca mắc bệnh bạch hầu. Hiện tại khu vực miền Bắc đã ghi nhận tổng số 27 ca mắc bạch hầu tại Điện Biên, Thái Nguyên và Hà Giang, trong đó đã có 03 trường hợp tử vong.

(3) Bệnh đậu mùa khỉ ở người: Trong năm 2023, toàn tỉnh Hưng Yên chưa ghi nhận ca mắc/nghi mắc đậu mùa khỉ. Hiện tại Việt Nam đã ghi nhận tổng số 14 ca, tập trung chủ yếu tại TP. Hồ Chí Minh với 12 ca, 02 trường hợp khác tại tỉnh Bình Dương.

(4) Bệnh cúm mùa: Toàn tỉnh chưa ghi nhận ca bệnh nhiễm cúm A H5N1 và H7N9, số ca mắc cúm mùa từ đầu năm 2023 đến nay là 34.384 ca theo báo cáo của các địa phương trên phần mềm bệnh truyền nhiễm (TT54). Các bệnh nhân đều được phát hiện qua triệu chứng lâm sàng và đến khám bệnh tại các cơ sở y tế, không ghi nhận ca bệnh nặng hoặc tử vong.

d) Phòng chống cháy, nổ

Từ ngày 16/9/2023 đến ngày 15/10/2023, trên địa bàn tỉnh xảy ra 1 vụ cháy xưởng sản xuất tại huyện Yên Mỹ; không có vụ nổ; không có người chết, người bị thương do cháy. Lũy kế từ ngày 16/12/2022 đến ngày 15/10/2023, toàn tỉnh đã xảy ra 11 vụ cháy, không có vụ nổ, làm chết 1 người, làm bị thương 2 người.

e) An toàn giao thông

Theo số liệu của Ban An toàn giao thông tỉnh Hưng Yên, từ ngày 15/9/2023 đến ngày 14/10/2023, toàn tỉnh xảy ra 37 vụ tai nạn giao thông (trong đó có 36 vụ

tai nạn đường bộ, 1 vụ tai nạn đường sắt), làm chết 16 người, làm bị thương 30 người. So với tháng trước, số vụ tai nạn tăng 9 vụ (tăng 32,14%); số người chết tăng 2 người (tăng 14,29%); số người bị thương tăng 12 người (tăng 66,67%). Tính từ đầu năm đến hết ngày 14/10/2023, toàn tỉnh đã xảy ra 195 vụ tai nạn giao thông, làm chết 116 người, làm bị thương 132 người. So với cùng kỳ năm trước, số vụ tai nạn tăng 84 vụ (tăng 75,68%); số người chết tăng 28 người (tăng 31,82%); số người bị thương tăng 48 người (tăng 57,14%)./.

Nơi nhận:

- Tổng cục Thống kê;
- Đ/c Bí thư, Phó Bí thư TTTU, TVTU;
- Đ/c Chủ tịch, các PCT HĐND tỉnh;
- Đ/c Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- VP Tỉnh ủy;
- VP UBND tỉnh;
- VP HĐND tỉnh;
- Sở KHĐT;
- Ban Tuyên giáo TU;
- Lưu: VT, TH.

CỤC TRƯỞNG**Đào Trọng Truyền**